

CHI PHÍ ĐẢM BẢO C
tạo định cư thuộc dự án t
nh (Bình Phước) đoàn di
/QĐ-UBND ngày 17/10/2025

(Kèm theo Quyết định số: **811** /QĐ-UBND ngày 17/10/2025 của Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Trung)

STT	Mã số phương án chi tiết	Thông tin chủ sử dụng đất		Thông tin thửa đất thu hồi (theo bản đồ GPMB)						Kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đồng)						Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (đồng)
		Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ thửa đất thu hồi	Số tờ	Số thửa	Tổng diện tích thu hồi (m²)	Đất trồng cây lâu năm		Đất trồng cây lâu năm	Nhà, nhà ở, công trình xây dựng	Vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	Cây trồng, vật nuôi	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Khen thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn	
								Diện tích (m²)	Đơn giá (vnđ)							
1	001/PACT-95CT	Hộ ông Lồng Dầu Tác	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ2938 -2025	38-2	9.760,4	5.970,1	93.000	801.588.800	-	5.260.000	123.957.790	970.122.375	20.000.000	1.920.928.965
							3.790,3	65.000								
2	002/PACT-95CT	Hộ ông Trần Công Hùng	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ2992 -2025	92-2	5.031,5	5.031,5	93.000	467.929.500	-	-	130.014.000	566.043.750	20.000.000	1.183.987.250
3	003/PACT-95CT	Hộ ông Sú Công Bảo	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ29106-2025	106-1	59,9	59,9	93.000	5.570.700	-	-	3.532.000	6.738.750	2.000.000	17.841.450
4	004/PACT-95CT	Hộ ông Dương Thín Sáng	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ29121-2025	121-2	5.658,8	5.658,8	93.000	526.268.400	-	26.229.600	517.355.360	636.615.000	20.000.000	1.726.468.360
5	005/PACT-95CT	Ông (bà) Mã Quốc Công Cùng vợ là bà: Hà Thị Lan	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ29115-2025	115-2	4.447,7	4.447,7	93.000	413.636.100	-	5.280.000	365.196.000	500.366.250	20.000.000	1.304.478.350
6	006/PACT-95CT	Ông Hoàng Văn Bảo	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ29125-2025	125-2	11.811,1	11.811,1	93.000	1.098.432.300	-	19.234.000	173.728.280	1.328.748.750	20.000.000	2.640.143.330
7	007/PACT-95CT	Hộ ông Mã Quốc Công Cùng vợ là bà: Hà Thị Lan	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ29114-2025	114-2	3.820,5	3.820,5	93.000	355.306.500	-	-	45.983.200	429.806.250	-	831.095.950
8	008/PACT-95CT	Hộ ông Sú Vầy Phóng	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ29154-2025	154-3	6.995,1	6.995,1	93.000	650.544.300	-	29.364.820	575.282.512	786.948.750	20.000.000	2.062.140.382
9	009/PACT-95CT	Ông (bà) Sú Vầy Phóng Cùng vợ là bà: Trần Thị Kim Thu	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ29167-2025	167-1	2.711,7	2.711,7	93.000	252.188.100	-	-	30.240.000	305.066.250	-	587.494.350
10	010/PACT-95CT	Ông (bà) Sú Vầy Phóng Cùng vợ là bà: Trần Thị Kim Thu	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ29543-2025	543-1	186,1	186,1	93.000	17.307.300	-	-	6.590.000	20.936.250	-	44.833.550
11	011/PACT-95CT	Bà Trần Thị Mười	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ29162-2025	162-3	10.536,4	10.419,6	93.000	976.614.800	-	13.810.500	577.847.932	1.181.403.000	20.000.000	2.769.676.232
								116,8	65.000							
12	012/PACT-95CT	Hộ ông Nguyễn Văn Lồng	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ29181-2025	181-1	115,2	115,2	63.000	7.257.600	-	-	5.944.000	8.640.000	4.000.000	25.841.600

STT	Mã số phương án chi tiết	Thông tin chủ sử dụng đất		Thông tin thửa đất thu hồi (theo bản đồ GPMB)						Kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đồng)						Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (đồng)
		Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ thửa đất thu hồi	Số tờ	Số thửa	Tổng diện tích thu hồi (m²)	Đất trồng cây lâu năm		Đất trồng cây lâu năm	Nhà, nhà ở, công trình xây dựng	Vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	Cây trồng, vật nuôi	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Khen thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn	
								Diện tích (m²)	Đơn giá (vnd)							
13	013/PACT-95CT	Ông (bà) Vũ Trần Anh Kim Cùng vợ là bà: Lý Thị Kim Thùy	Thôn 15, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ29198-2025	198-1	5.570,5	5.570,5	93.000	518.056.500	-	14.616.000	108.456.196	626.681.250	20.000.000	1.287.809.946
14	015/PACT-95CT	Bà Nguyễn Thị Tây	Thôn 11, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ29262-2025	262-1	44,2	44,2	93.000	4.110.600	-	-	985.000	4.972.500	2.000.000	12.068.100
15	016/PACT-95CT	Ông (bà) Dương Ngọc Khánh Cùng vợ là bà: Trần Thị Thúy Linh	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ29271-2025	271-2	4.819,6	4.819,6	93.000	456.927.600	-	20.500.000	441.930.000	552.735.000	20.000.000	1.492.092.600
					TĐ29515-2025	515-1	93,6	93,6	93.000							
16	017/PACT-95CT	Ông Lê Văn Hoàng	Thôn 11, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ29342-2025	342-1	7.577,1	7.577,1	93.000	1.047.700.800	-	-	124.880.000	1.267.380.000	20.000.000	2.459.960.800
					TĐ29343-2025	343-1;343-3	3.688,5	3.688,5	93.000							
17	018/PACT-95CT	Bà Liu A Kiu	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ29365-2025	365-2	3.169,9	3.169,9	93.000	294.800.700	-	27.142.400	273.300.100	356.613.750	20.000.000	971.856.950
18	019/PACT-95CT	Ông Vòng Thông Phát	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ29415-2025	415-2	2.067,0	861,2	93.000	158.468.600	-	6.336.000	87.390.000	191.841.750	16.000.000	460.036.350
								1.205,8	65.000							
19	020/PACT-95CT	Ông Hồ A Hiền	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ29542-2025	542-2	4.385,2	4.385,2	93.000	407.823.600	-	-	48.722.000	493.335.000	20.000.000	969.880.600
20	021/PACT-95CT	Ông Vòng Thông Quyền	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ29544-2025	544-2	3.964,1	3.384,6	93.000	352.435.300	-	-	150.370.000	426.403.125	20.000.000	949.208.425
								579,5	65.000							
21	022/PACT-95CT	Ông Trần Kim Sang	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ29760-2025	760-2	4.170,5	4.170,5	93.000	387.856.500	-	6.468.000	534.938.000	469.181.250	20.000.000	1.418.443.750
22	023/PACT-95CT	Ông Tạ Văn Sắc	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ29777-2025	777-2	2.126,6	2.126,6	93.000	197.773.800	-	19.147.200	185.269.000	239.242.500	20.000.000	661.432.500
23	024/PACT-95CT	Ông Tạ A Lân	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ29778-2025	778-1	2.167,1	2.167,1	93.000	201.540.300	-	59.381.120	160.120.658	243.798.750	20.000.000	684.840.828
24	025/PACT-95CT	Ông Thống A Quân	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ29798-2025	798-2;798-3	10.779,1	10.779,1	65.000	700.641.500	-	5.281.950	829.400.500	848.854.125	20.000.000	2.404.178.075
25	026/PACT-95CT	Ông Thống A Dương	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ29799-2025	799-2	6.803,4	6.803,4	65.000	442.221.000	-	-	100.735.000	535.767.750	20.000.000	1.098.723.750
26	027/PACT-95CT	Hộ ông Trần Minh Hùng	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ3430-2025	30-1	6.640,9	6.640,9	63.000	418.376.700	-	-	244.545.000	498.067.500	20.000.000	1.180.989.200
27	028/PACT-95CT	Hộ ông Nguyễn Quang Tùng	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ3462-2025	62-1;62-3	1.066,8	1.066,8	93.000	99.212.400	-	2.112.000	27.486.564	120.015.000	16.000.000	264.825.964

STT	Mã số phương án chi tiết	Thông tin chủ sử dụng đất		Thông tin thửa đất thu hồi (theo bản đồ GPMB)						Kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đồng)						Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (đồng)
		Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ thửa đất thu hồi	Số tờ	Số thửa	Tổng diện tích thu hồi (m²)	Đất trồng cây lâu năm		Đất trồng cây lâu năm	Nhà, nhà ở, công trình xây dựng	Vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	Cây trồng, vật nuôi	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Khen thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn	
								Diện tích (m²)	Đơn giá (vnd)							
28	029/PACT-95CT	Hộ ông Vi Văn Thái	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ2973-2025	73-2	5.787,9	5.787,9	93.000	538.274.700	-	7.761.600	67.833.240	651.138.750	20.000.000	1.285.008.290
29	030/PACT-95CT	Hộ ông Nguyễn Thành Lâm Cùng vợ là bà: Nguyễn Thị Minh Lý	Thôn 14, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ3479-2025	79-1	1.554,7	1.554,7	93.000	1.305.431.700	-	-	331.004.480	1.579.151.250	20.000.000	3.235.587.430
					TĐ34157-2025	157	12.482,2	12.482,2	93.000							
30	031/PACT-95CT	Hộ ông Phan Văn Dũng	Thôn 15, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 17, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ3474-2025	74-1	2.423,5	2.423,5	93.000	402.755.100	-	-	27.880.000	487.203.750	20.000.000	937.838.850
					TĐ3478-2025	78-1	1.161,8	1.161,8	93.000							
					TĐ3483-2025	83-1	745,4	745,4	93.000							
31	045/PACT-95CT	Ông Vũ Minh Sơn	Thôn 16, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 16, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ3653-2025	53-1	5.689,3	5.689,3	63.000	358.425.900	-	-	49.840.000	426.697.500	20.000.000	854.963.400
32	054/PACT-95CT	Hộ ông Lê Cao	Thôn 11, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 16, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ34133-2025	133-1	2.234,5	2.234,5	63.000	140.773.500	-	-	24.640.000	167.587.500	16.000.000	349.001.000
34	002/PACT-0080	Ông Hoàng Văn Hỷ cùng vợ là bà Tạ Thị Dung	Thôn 6, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ6031-2025	31-1	313,6	313,6	181.000	56.761.600	-	22.182.912	-	-	-	78.944.512
35	003/PACT-0080	Ông Hoàng Văn Hỷ cùng vợ là bà Tạ Thị Dung	Thôn 6, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ6032-2025	32-1	208,2	208,2	181.000	37.684.200	-	-	9.340.500	-	12.000.000	59.024.700
36	006/PACT-0080	Bà Diễm Thị Duyên	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ60121-2025	121-1	373,7	373,7	181.000	67.639.700	-	14.367.040	12.715.077	84.082.500	12.000.000	190.804.317
37	007/PACT-0080	Bà Trần Thị Thu	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ60108-2025	108-1	120,5	120,5	181.000	21.810.500	-	-	1.383.000	27.112.500	8.000.000	58.306.000
38	008/PACT-0080	Ông Nguyễn Đình Hà cùng vợ là bà Phạm Thị Huyền	Thôn 2, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ60120-2025	120-1	50,9	50,9	181.000	9.212.900	-	-	-	11.452.500	4.000.000	24.665.400
39	009/PACT-0080	Bà Nông Thị Dính	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ6034-2025	34-1	68,8	68,8	181.000	12.452.800	-	410.400	4.204.000	15.480.000	4.000.000	36.547.200
40	010/PACT-0080	Bà Nguyễn Thị Ánh	Thôn 2, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ58249-2025	249-1	1044,6	1044,6	93.000	97.147.800	-	-	19.575.000	117.517.500	16.000.000	250.240.300
41	011/PACT-0080	Ông Đinh Minh Lập	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ60122-2025	122-1	41,3	41,3	181.000	7.475.300	-	-	1.919.000	9.292.500	2.000.000	20.686.800
42	014/PACT-0080	Ông Lương Văn Vinh cùng vợ là bà Đinh Thị Thơm	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ9116-2025	116-1	35,3	35,3	181.000	6.389.300	-	-	-	7.942.500	2.000.000	16.331.800



STT	Mã số phương án chi tiết	Thông tin chủ sử dụng đất		Thông tin thửa đất thu hồi (theo bản đồ GPMB)						Kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đồng)						Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (đồng)
		Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ thửa đất thu hồi	Số tờ	Số thửa	Tổng diện tích thu hồi (m²)	Đất trồng cây lâu năm		Đất trồng cây lâu năm	Nhà, nhà ở, công trình xây dựng	Vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	Cây trồng, vật nuôi	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Khen thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn	
								Diện tích (m²)	Đơn giá (vnd)							
43	015/PACT-0080	Ông Tô Mạnh Cường cùng vợ là bà Hoàng Thị Hồng	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ60146-2025	146-1	268,8	268,8	181.000	52.761.500	85.994.272	55.456.192	-	65.587.500	16.000.000	275.799.464
					TĐ60142-2025	142-1	22,7	22,7	181.000							
44	016/PACT-0080	Bà Đào Thị Vy	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ6027-2025	27-1	227,3	227,3	181.000	41.141.300	-	40.133.568	8.864.500	51.142.500	12.000.000	153.281.868
45	017/PACT-0080	Ông Trần Minh Điều	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ60110-2025	110-1;110-3;110-4	2058,3	2058,3	181.000	372.552.300	25.391.520	29.349.848	105.383.000	463.117.500	20.000.000	1.015.794.168
46	019/PACT-0080	Ông Nguyễn Trọng Thành	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ58297-2025	297-1	92,8	92,8	181.000	16.796.800	-	2.134.080	376.000	20.880.000	4.000.000	44.186.880
47	020/PACT-0080	Ông Nguyễn Văn Thúc	Thôn 12, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ587-2025	7-1	2414,8	2414,8	93.000	224.576.400	-	-	47.998.000	271.665.000	20.000.000	564.239.400
48	021/PACT-0080	Bà Nguyễn Thị Thoàng	Thôn 2, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ58250-2025	250-1	1008,3	1008,3	93.000	93.771.900	-	-	18.930.000	113.433.750	16.000.000	242.135.650
49	024/PACT-0080	Bà Trần Thị Tuyết cùng chồng là ông Nguyễn Ngọc Khanh	Thôn 11, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ58278-2025	278-1	6230,9	6230,9	93.000	748.240.800	-	-	66.620.000	905.130.000	20.000.000	1.739.990.800
					TĐ58279-2025	279-1	1814,7	1814,7	93.000							
50	027/PACT-0080	Hộ ông Điều Gô	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ5838-2025	38-1	221,4	221,4	93.000	20.590.200	-	-	3.618.000	24.907.500	4.000.000	53.115.700
51	032/PACT-0080	Ông Trần Văn Hậu Cùng vợ là bà: Lê Thị Ngọc	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ941-2025	41-1	2398,8	2398,8	93.000	223.088.400	-	-	22.640.000	269.865.000	20.000.000	535.593.400
52	034/PACT-0080	Ông (bà) Phạm Sĩ Lúc - Nguyễn Thị Liên Cùng vợ là bà: Nguyễn Thị Liên	Thôn Bình Minh, xã Nghĩa Trung	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ942-2025	42-1	28801,3	24539,7	93.000	2.559.196.100	126.000.640	82.568.019	779.232.000	3.096.317.250	-	6.643.314.009
								4261,6	65.000							
53	035/PACT-0080	Ông (bà) Phạm Sĩ Lúc - Nguyễn Thị Liên Cùng vợ là bà: Nguyễn Thị Liên	Thôn Bình Minh, xã Nghĩa Trung	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ943-2025	43-1	14963,9	14963,9	93.000	1.391.642.700	-	-	383.518.000	1.683.438.750	20.000.000	3.478.599.450
54	037/PACT-0080	Ông (bà) Nguyễn Thanh Đức - Nguyễn Thị Lan Cùng vợ là bà: Nguyễn Thị Lan	Thôn 2, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ60145-2025	145-1	151,7	151,7	181.000	27.457.700	-	-	-	34.132.500	-	61.590.200

STT	Mã số phương án chi tiết	Thông tin chủ sử dụng đất		Thông tin thửa đất thu hồi (theo bản đồ GPMB)						Kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đồng)						Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (đồng)
		Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ thửa đất thu hồi	Số tờ	Số thửa	Tổng diện tích thu hồi (m²)	Đất trồng cây lâu năm		Đất trồng cây lâu năm	Nhà, nhà ở, công trình xây dựng	Vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	Cây trồng, vật nuôi	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Khen thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn	
								Diện tích (m²)	Đơn giá (vnd)							
55	038/PACT-0080	Ông (bà) Nguyễn Văn Ba - Nguyễn Thị Nghĩa Cùng vợ là bà: Nguyễn Thị Nghĩa	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ58284-2025	284-1	125,9	125,9	181.000	22.787.900	11.286.000	52.246.880	1.198.000	28.327.500	12.000.000	127.846.280
56	039/PACT-0080	Hộ bà Vy Thị Liêm	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ5879-2025	79-1	290,2	290,2	181.000	52.526.200	-	-	2.270.154	65.295.000	12.000.000	132.091.354
57	040/PACT-0080	Ông Nguyễn Long Châu Cùng sử dụng đất với bà: Lê Thị Ngọc Bích	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	, Xã Nghĩa Trung	TĐ58171-2025	171-1	67,9	67,9	181.000	12.289.900	-	-	-	15.277.500	4.000.000	31.567.400
58	042/PACT-0080	Bà Phạm Thị Thân Cùng chồng là ông: Phùng Văn Long	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ58290-2025	290-1	34,3	34,3	181.000	6.208.300	-	-	14.500	7.717.500	2.000.000	15.940.300
59	043/PACT-0080	Ông Trương Đình Hưng Cùng vợ là bà: Nguyễn Thị Hương	Thôn 2, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ954-2025	54-1	5966,3	5966,3	93.000	554.865.900	-	-	186.313.280	671.208.750	20.000.000	1.432.387.930
60	045/PACT-0080	Bà Phan Thị Mỹ Dung Cùng chồng là ông: Nguyễn Thanh Bình	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TĐ60114-2025	114-1	153,8	153,8	181.000	39.910.500	-	34.625.840	1.503.000	49.612.500	12.000.000	137.651.340
					TĐ60129-2025	129-1	66,7	66,7	181.000							

STT	Mã số phương án chi tiết	Thông tin chủ sử dụng đất		Thông tin thửa đất thu hồi (theo bản đồ GPMB)						Kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đồng)						Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (đồng)
		Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ thửa đất thu hồi	Số tờ	Số thửa	Tổng diện tích thu hồi (m²)	Đất trồng cây lâu năm		Đất trồng cây lâu năm	Nhà, nhà ở, công trình xây dựng	Vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	Cây trồng, vật nuôi	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Khen thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn	
								Diện tích (m²)	Đơn giá (vnd)							
61	046/PACT-0080	Ông Ông Thành Hoa Cùng vợ là bà: Hoàng Thị Mai	Thôn 2, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TD975-2025	75-1	10401,	8443,6	93.000	912.485.800	-	-	322.530.240	1.104.050.250	-	2.339.066.290
							1957,4	65.000								
62	047/PACT-0080	Ông Ông Thành Hoa Cùng vợ là bà: Hoàng Thị Mai	Thôn 2, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TD973-2025	73-1	2573,3	2573,3	93.000	239.316.900	-	-	79.928.960	289.496.250	-	608.742.110
63	058/PACT-0080	Ông Trần Thanh Xuân Cùng vợ là bà: Hoàng Thị Khuyên	thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TD5820-2025	20-1	1806,2	1806,2	93.000	167.976.600	-	-	18.828.000	203.197.500	16.000.000	406.002.100
64	062/PACT-0080	Ông Vũ Đình Toàn Cùng vợ là bà: Lương Thị Tâm	Thôn 2, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TD9108-2025	108-1	927,4	927,4	181.000	167.859.400	-	-	2.494.000	208.665.000	16.000.000	395.018.400
65	065/PACT-0080	Ông (bà) Nguyễn Thanh Đức - Nguyễn Thị Lan	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TD5848-2025	48-1	33,1	33,1	181.000	5.991.100	-	4.011.120	-	7.447.500	-	17.449.720
66	066/PACT-0080	Ông (bà) Nguyễn Thanh Đức - Nguyễn Thị Lan	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TD5847-2025	47-1	10	10	181.000	1.810.000	-	3.639.600	-	2.250.000	-	7.699.600
67	067/PACT-0080	Ông (bà) Nguyễn Thanh Đức - Nguyễn Thị Lan	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TD58166-2025	166-1	18,5	18,5	181.000	3.348.500	-	2.687.040	-	4.162.500	-	10.198.040
68	068/PACT-0080	Ông (bà) Nguyễn Thanh Đức - Nguyễn Thị Lan	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TD58146-2025	146-1	1916,5	1916,5	93.000	178.234.500	-	-	18.810.000	215.606.250	-	412.650.750
69	069/PACT-0080	Ông (bà) Nguyễn Thanh Đức - Nguyễn Thị Lan	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	Thôn 9, xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai	TD5837-2025	37-1	60,8	60,8	181.000	11.004.800	19.008.000	51.760.368	-	13.680.000	20.000.000	115.453.168
TỔNG CỘNG							249.732,3	249.732,3		22.471.257.700	267.680.432	663.498.097	8.495.603.023	27.086.594.625	842.000.000	59.826.633.877